

Số: 08a /TB-UBND

Tân Thanh, ngày 18 tháng 02 năm 2024

### THÔNG BÁO

Về việc công khai Quyết định số 193/QĐ-UBND, ngày 16/02/2024 của UBND huyện Lạng Giang về việc phê duyệt danh sách các hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện nhận hỗ trợ và mức hỗ trợ bàn giao mặt bằng sớm (khuyến khích tiến độ) khi Nhà nước thu hồi đất (đợt 4) để thực hiện dự án Tuyến đường trực kết nối từ thị trấn Vôi đi xã Tân Thanh - Dương Đức

Căn cứ Luật thực hiện dân chủ cơ sở;

Thực hiện Quyết định số 193/QĐ-UBND, ngày 16/02/2024 của UBND huyện Lạng Giang về việc phê duyệt danh sách các hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện nhận hỗ trợ và mức hỗ trợ bàn giao mặt bằng sớm (khuyến khích tiến độ) khi Nhà nước thu hồi đất (đợt 4) để thực hiện dự án Tuyến đường trực kết nối từ thị trấn Vôi đi xã Tân Thanh - Dương Đức, UBND xã Tân Thanh tổ chức niêm yết công khai Quyết định số 193/QĐ-UBND, ngày 16/02/2024 của UBND huyện Lạng Giang, như sau:

1. Địa điểm niêm yết:

Tại Trụ sở UBND xã Tân Thanh và Nhà văn hóa thôn Nguồn.

2. Thời gian niêm yết:

- Từ 14 giờ 00 phút, ngày 18/3/2024 đến khi thực hiện hoàn thành.

(Có Quyết định số 193/QĐ-UBND, ngày 16/02/2024 của UBND huyện Lạng Giang kèm theo)

3. UBND xã Tân Thanh và Trưởng Nguồn có trách nhiệm:

- Thông báo rộng rãi bằng các hình thức thích hợp đến các hộ dân được biết để kiểm tra đối chiếu với các chính sách hiện hành;

- Cử người thường trực để tiếp nhận, giải đáp vướng mắc của nhân dân, nếu có vấn đề chưa rõ, sai sót thì tập hợp và báo cáo bằng văn bản để kiểm tra, xem xét, giải đáp và chỉnh sửa, bổ sung theo chính sách quy định;

- Trong thời gian niêm yết công khai, mọi ý kiến, kiến nghị liên quan đến việc công khai, đề nghị liên hệ với UBND xã Tân Thanh để được giải quyết.

UBND xã Tân Thanh thông báo để hộ gia đình, cá nhân biết và phối hợp thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- TTĐU, HĐND, UBND xã;
- Đài truyền thanh (t/b);
- Trưởng thôn Thuận, Tê, Chung, Đông, Chùa Hà, Châu;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH  
  
Phạm Văn Đức



Số: /QĐ-UBND

Lạng Giang, ngày

tháng 02 năm 2024

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách các hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện nhận hỗ trợ và mức hỗ trợ bàn giao mặt bằng sớm (khuyến khích tiến độ) khi Nhà nước thu hồi đất (đợt 4) để thực hiện dự án Tuyến đường trục kết nối từ thị trấn Vô di xã Tân Thanh - Dương Đức

### UỶ BAN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai và số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 sửa đổi, bổ sung các nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường: số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Bắc Giang: Số 01/2017/QĐ-UBND ngày 16/01/2017 Ban hành quy chế thực hiện dân chủ trong công tác thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ tái định cư trên địa bàn tỉnh; số 10/2019/QĐ-UBND ngày 21/5/2019 ban hành quy định về thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh; số 20/2020/QĐ-UBND ngày 02/7/2020 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND ngày 21/5/2019 Ban hành quy định về thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; số 70/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi áp dụng trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND ngày 21/5/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 885/QĐ-UBND ngày 28/2/2022 của Chủ tịch UBND huyện về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án: Tuyến đường trục kết nối từ thị trấn Vôĩ đi xã Tân Thanh - Dương Đức;

Căn cứ các Quyết định của UBND huyện Lạng Giang: Số 2115/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 về việc thu hồi đất (đợt 4) để thực hiện dự án Tuyến đường trục kết nối từ thị trấn Vôĩ đi xã Tân Thanh - Dương Đức; số 2116/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất (đợt 4) để thực hiện dự án Tuyến đường trục kết nối từ thị trấn Vôĩ đi xã Tân Thanh - Dương Đức;

Theo đề nghị của phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 313/TTr-TNMT ngày 02/02/2024 về việc đề nghị phê duyệt danh sách các hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện nhận hỗ trợ và mức hỗ trợ bàn giao mặt bằng sớm (Khuyến khích tiến độ) khi Nhà nước thu hồi đất (đợt 4) để thực hiện dự án Tuyến đường trục kết nối từ thị trấn Vôĩ đi xã Tân Thanh - Dương Đức.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt danh sách các hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện nhận hỗ trợ và mức hỗ trợ bàn giao mặt bằng sớm (*Khuyến khích tiến độ*) khi Nhà nước thu hồi đất (đợt 4) để thực hiện dự án Tuyến đường trục kết nối từ thị trấn Vôĩ đi xã Tân Thanh - Dương Đức, cụ thể như sau:

1. Tổng số hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện hỗ trợ 40.000 đồng/m<sup>2</sup> là: 19 hộ, diện tích hỗ trợ 2.489,5 m<sup>2</sup> với số tiền là:

$$2.489,5 \text{ m}^2 \times 40.000 \text{ đồng/m}^2 = 99.580.000 \text{ đồng}$$

2. Tổng số hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện hỗ trợ 5.000.000đ/mộ là: 04 hộ, số ngôi mộ được hỗ trợ: 11 ngôi mộ với số tiền hỗ trợ là:

$$11 \text{ ngôi mộ} \times 5.000.000 \text{ đồng/ngôi mộ} = 55.000.000 \text{ đồng.}$$

**3. Tổng giá trị phương án phê duyệt (1+2) là: 154.580.000 đồng.**

*Bằng chữ: Một trăm năm mươi bốn triệu, năm trăm tám mươi nghìn đồng.*

4. Địa điểm: Tại thôn Nguộn, xã Tân Thanh, huyện Lạng Giang.

*(Có danh sách chi tiết các hộ gia đình, cá nhân kèm theo)*

### **Điều 2.**

1. Trung tâm phát triển quỹ đất và quản lý trật tự giao thông, xây dựng, môi trường và UBND xã Tân Thanh có trách nhiệm:

- Phối hợp giao quyết định đến từng hộ gia đình, cá nhân; trường hợp hộ gia đình, cá nhân không nhận quyết định hoặc vắng mặt thì phải lập thành biên bản; tổ chức việc niêm yết công khai quyết định theo quy định.

- Phối hợp chi trả tiền hỗ trợ theo phương án được phê duyệt trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày quyết định này có hiệu lực.

2. Văn phòng HĐND và UBND huyện có trách nhiệm đăng tải quyết định này trên Cổng thông tin điện tử của UBND huyện.

**Điều 3.**

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thủ Trưởng các cơ quan: Văn phòng HĐND và UBND, Tài nguyên và Môi trường, Kho bạc Nhà nước, Trung tâm phát triển quỹ đất và quản lý trật tự giao thông xây dựng môi trường, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện, Chủ tịch UBND xã Tân Thanh và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- LĐVP, TH, CNTT, Công TTĐT;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Bùi Thị Hương Lan**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN LẠNG GIANG

KINH PHÍ HỖ TRỢ BÀN GIAO MẶT BẰNG SỚM (KHUYẾN KHÍCH TIẾN ĐỘ BÀN GIAO MẶT BẰNG) - ĐỢT 4

Dự án: Tuyến đường trục kết nối từ thị trấn Vôi đi xã Tân Thanh - Dương Đức

Địa điểm: Thôn Nguồn, xã Tân thanh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

(Ban hành kèm theo Quyết định số

/QĐ-UBND ngày

/02/2024 của UBND huyện Lạng Giang)

STT	Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất	Theo bản đồ đo đạc năm 2011			Diện tích hộ gia đình sử dụng (m <sup>2</sup> )	Diện tích đã thu hồi dự án khác (m <sup>2</sup> )	Tổng diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Hình thức giao		Diện tích còn lại (m <sup>2</sup> )	Ký hiệu loại đất	Kinh phí hỗ trợ bàn giao mặt bằng sớm: đồng	
		Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích (m <sup>2</sup> )				Ôn định 50 năm (m <sup>2</sup> )	Đất NN sử dụng ôn định trước 01/7/2004 (m <sup>2</sup> )				
1	2	3	4	5	6,0	7,0	8,0	9,0	10,0	11,0	12	13=9*40,000	
	<b>Tổng cộng</b>			<b>7.542,1</b>	<b>7.542,1</b>	<b>731,4</b>	<b>2.775,4</b>	<b>2.489,5</b>	<b>285,9</b>	<b>4.035,3</b>	-	<b>99.580.000</b>	
1	(GCN) Nguyễn Văn Năm đã chết con là (Nguyễn Thị Ánh, Nguyễn Văn Châm, Nguyễn Thị Mị, Nguyễn Thị Ngãi)	58	644	87,1	87,1		87,1	87,1		-	LUC	3.484.000	
		58	666	179,2	179,2		86,1	93,1	93,1		-	LUC	3.724.000
		67	115	288,8	288,8		58,6	12,9	12,9	217,3	LUC	516.000	
2	Nguyễn Văn Thịnh vợ là Hoàng Thị Hợi	58	645	281,6	281,6		170,3	170,3		111,3	LUC	6.812.000	
		67	114	311,3	311,3		20,6	36,6	36,6	254,1	LUC	1.464.000	
3	Hà Thị Giáp	58	663	184,9	184,9		86,6	98,3		-	LUC	3.932.000	
4	Nguyễn Thị Hậu chồng là Lưu Văn Mỹ	58	667	242,3	242,3		0,4	241,9	143,6	98,3	-	LUC	5.744.000
		59	636	250,5	250,5			141,0	141,0		109,5	LUC	5.640.000
5	Nguyễn Văn Cảnh vợ là Hoàng Thị Thê	59	635	276,3	276,3			276,3	276,3		-	LUC	11.052.000
6	Đỗ Văn Quý vợ là Nguyễn Thị Thoa	59	664	111,7	111,7			111,7		111,7	-	LUC	0
7	Nguyễn Văn Thường vợ là Trần Thị Vượng	59	665	163,8	163,8			39,4	39,4		124,4	LUC	1.576.000
8	Nguyễn Văn Hiện vợ là Vũ Thị Tám (Nguyễn Thị Thê đang sử dụng)	67	78	264,9	264,9		46,5	115,3	115,3		103,1	LUC	4.612.000
9	Nguyễn Thị Tuyết (chồng là Hà Văn Thường)	67	142	344,3	344,3		33,7	64,0	64,0		246,6	LUC	2.560.000
		67	80	378,3	232,8	204,5	28,3	28,3			-	LUC	1.132.000
					145,5	-	-	-			145,5	LUC	0
10	GCN Nguyễn Văn Đông (vợ là Ngừ đã chết ) (con là Nguyễn Văn Đạo, Đỗ Thị Cấp, Nguyễn Thị Tuyết ) cháu trai là Nguyễn Văn Hoàng đang sử dụng	67	753	171,0	171,0			8,9	8,9		162,1	LUC	356.000
11	Nguyễn Văn Vững vợ là Lê Thị Năm	67	107	400,4	400,4			2,8	2,8		397,6	LUC	112.000
		67	109	484,6	484,6		66,8	105,8	105,8		-	LUC	4.232.000

STT	Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất	Theo bản đồ đo đạc năm 2011			Diện tích hộ gia đình sử dụng (m <sup>2</sup> )	Diện tích đã thu hồi dự án khác (m <sup>2</sup> )	Tổng diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Hình thức giao		Diện tích còn lại (m <sup>2</sup> )	Ký hiệu loại đất	Kinh phí hỗ trợ bàn giao mặt bằng sôm: đồng
		Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích (m <sup>2</sup> )				Ổn định 50 năm (m <sup>2</sup> )	Đất NN sử dụng ổn định trước 01/7/2004 (m <sup>2</sup> )			
12	Nguyễn Văn Tắt (vợ là Hà Thị Huyền)	67	110	208,5	208,5	13,7	194,8	194,8		-	LUC	7.792.000
13	Nguyễn Văn Năng (Toan) đã chết con là Nguyễn Văn Bền, Nguyễn Văn Vững, Nguyễn Thị Lộc.	67	140	172,8	172,8		172,8	172,8		-	LUC	6.912.000
14	Nguyễn Văn Đạo vợ là Hà Thị May	67	138	242,9	242,9		242,9	242,9		-	LUC	9.716.000
15	Hà Văn Diệm vợ là Hà Thị Thi	67	139	411,9	411,9	97,5	314,4	238,5	75,9	-	LUC	9.540.000
16	Hà Văn Cử (vợ là Phạm Thị Chiến)	67	143	499,7	499,7	16,4	23,2	23,2		460,1	LUC	928.000
17	Nguyễn Văn Nhận vợ là Hà Thị Vân	67	169	514,5	514,5		49,9	49,9		464,6	LUC	1.996.000
18	Bùi Văn Hiếu vợ là Khiếu Thị Quế	67	170	209,8	209,8		54,6	54,6		155,2	LUC	2.184.000
19	Nguyễn Văn Chi vợ là Nguyễn Thị Thu	67	206	325,0	325,0		71,6	71,6		253,4	LUC	2.864.000
20	Bùi Văn Đài vợ là Trần Thị Quyên	67	207	536,0	536,0		17,5	17,5		518,5	LUC	700.000

STT	Họ và tên người quản lý	Tên người mất	Bồi thường chi phí xây dựng Mộ		Hỗ trợ bàn giao mặt bằng sớm 5.000.000đ/mộ	Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ bàn giao MBS: đồng
			Loại mộ	Số lượng (mộ)		
Tổng cộng				11	55.000.000	55.000.000
1	Bùi Văn Ngoan	Bùi Văn Đò	Mộ đã cải táng hình tròn xây gạch, ốp xung quanh bằng gạch men sứ các màu, vữa XM mác 50, Trên 500 viên, DTCD từ 2 m2 :- 2,5 m2;	1	5.000.000	5.000.000
		Hà Thị Xuyên, Bùi Văn Tài và Bùi Văn Đĩnh	Mộ đã cải táng hình chữ nhật; dài 1,8 m rộng 1,4m; xây gạch, ốp đá granite xung quanh, vữa XM mác 50, trên 800 viên, DTCD > 2,5 m <sup>2</sup> .	3	15.000.000	15.000.000
2	Bùi Văn Vinh	Bùi Văn Luân	Mộ đã cải táng hình tròn xây gạch, ốp xung quanh bằng gạch men sứ các màu, vữa XM mác 50, Trên 500 viên, DTCD từ 2 m2 :- 2,5 m2;	1	5.000.000	5.000.000
		Bùi Thị Di và Bùi Văn Thụy	Mộ đã cải táng hình chữ nhật; dài 1,8 m rộng 1,4m; xây gạch, ốp đá granite xung quanh, vữa XM mác 50, trên 800 viên, DTCD > 2,5 m <sup>2</sup> .	2	10.000.000	10.000.000
3	Bùi Xuân Đào	Bùi Văn Phụng, Nguyễn Thị Nhường Bùi Văn Quyết	Mộ đã cải táng hình chữ nhật; dài 2,1 m rộng 1,2m; xây gạch, ốp xung quanh bằng gạch men sứ các màu, vữa XM mác 50, trên 800 viên, DTCD > 2,5m <sup>2</sup> .	3	15.000.000	15.000.000
4	Nguyễn Văn Sửu		Mộ xây gạch, trát xung quanh vữa TH mác 25 đến 50, quét vôi ve, xi măng; Trên 800 viên, DTCD >2,5 m2	1	5.000.000	5.000.000